TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tỵ

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 420/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Số nhà 1/3, tổ dân phố 02, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Xuân Đ, nơi ĐKHKTT: Số nhà 1/3, tổ dân phố 02, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Xóm M, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Xuân Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh Đ ở xóm 3, thôn Đ, xã H được 03 tháng thì vợ chồng chuyển đến cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở tổ dân phố 5, thị trấn A. Từ tháng 12 năm 2013, chị và anh Đ chuyển đến cư trú tại số nhà 1/3, tổ dân phố 02, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2017 thì phát

sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do gia đình bố, mẹ chị có khó khăn về kinh tế, bố chị bị bắt giam, anh Đ không thông cảm mà có nhiều lời nói không đúng mực và dùng bạo lực với chị. Anh Đ còn đến nhà riêng và trường học nơi chị công tác để làm phiền chị. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh Đ cư trú tại xóm M, xã H, huyện A, chị và anh Đ không ai còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Phạm Xuân Đ có một con chung là Phạm Đức H1, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2013. Hiện tại con chung do chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Phạm Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Nguyễn Thị N theo như chị N đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bố, mẹ chị N có mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, chị N tự ý cầm cố, thế chấp tài sản chung để vay mượn tiền cho bố, mẹ chị N làm ảnh hưởng đến kinh tế và danh dự của anh, mẹ chị N là bà Nguyễn Thị L đã tự ý mang bìa đỏ của anh trai anh đi cầm cố. Chị N còn đến trường học nơi anh đang công tác để làm phiền, gây khó khăn cho anh. Vợ chồng đã tìm nhiều giải pháp nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2018 đến nay anh và chị N sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị N có một con chung theo như lời khai chị N đã trình bày là đúng. Anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị N có tài sản chung gồm: 01 nhà ở 1,5 tầng diện tích 68m^2 và công trình phụ khép kín trên diện tích đất 68m^2 tại số nhà 1/3, tổ dân phố 02, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; trị giá nhà, đất là 800.000.000 đồng. Nguồn gốc nhà đất là do anh và chị N nhận chuyển nhượng của bà T, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng là Phạm Xuân Đ và Nguyễn Thị N. Hiện tại nhà, đất do chị N quản lý, sử dụng. Anh và chị N còn có một số tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình giá trị sử dụng không lớn, anh không yêu cầu Tòa án chia nên anh không kê khai, vợ chồng không cho ai vay tài sản gì chung và không có nợ chung. Anh đề nghị Tòa án chia nhà, đất nên trên cho anh và chị N mỗi người được hưởng 1/2 tài sản. Anh đề nghị Tòa án giao cho chị N sở hữu và sử dụng tài sản và có trách nhiệm trả tiền chia tài sản cho anh số tiền 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp, kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*:

Căn cứ Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ; Giao con chung Phạm Đức H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2013 cho chị N nuôi dưỡng; không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản; về tài sản chung: Do anh Đ không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nên tách yêu cầu chia tài sản của anh Đ để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Chị N và anh Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2012. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có nghi ngờ nhau về kinh tế nên đã xảy ra va chạm bất hòa. Hiện tại vợ chồng sống mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Đ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị N và anh Đ thuận tình ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ có một con chung là Phạm Đức H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2013. Chị N và anh Đ đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, quan điểm của chị N và anh Đ là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi cho con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3] *Về việc cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; anh Phạm Xuân Đ có yêu cầu Toà án phân chia tài sản chung nhưng anh Đ đã không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo yêu cầu của Toà án nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu của anh Đ. Vì vậy, cần tách yêu cầu chia tài sản của anh Đ để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Xuân Đ.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Phạm Đức H, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2013 cho chị N nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung. Tách yêu cầu chia tài sản chung của anh Phạm Xuân Đ để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 15461 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương. Nên trả lại cho chị N 150.000 đồng.

Anh Phạm Xuân Đ phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã H, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế